

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thơm; bà Mai Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 54/2026/TLST-HNGĐ ngày
02 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Vũ Thị D](#) - sinh năm 1999

CCCD số 038199021627

Cư trú tại: [Thôn V, xã L, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh [Trương Văn K](#), sinh năm 1991

CCCD số 038091000253

Cư trú tại: [Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2026 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Vũ Thị D](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Trương Văn K](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H](#) (nay là [UBND xã L](#)), tỉnh Thanh Hoá năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống. Vợ chồng đã ly thân 4 tháng nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trương Văn K](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Trương Vũ T](#) (giới tính: nam), sinh ngày 24/11/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [T](#) và không yêu cầu anh [K](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản: Chị [D](#) không nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2026 anh [Trương Văn K](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị [Vũ Thị D](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H \(nay là xã L\), tỉnh Thanh Hóa](#). Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì không hợp nhau. Nay anh đã về nhà mẹ đẻ ở [xã H](#). Vợ chồng ly thân hai tháng nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị [D](#) ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là [Trương Vũ T](#) (nam), sinh ngày 24/11/2021. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị [D](#) nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận rộn anh không đến Toà án làm việc được. Nên anh đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh ông [Nguyễn Văn B](#)- trưởng thôn [Vân C](#) cung cấp: Vợ chồng chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#) kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung sinh năm 2021. Sau khi cưới nhau hai vợ chồng chung sống tại gần nhà vợ (mượn nhà gần nhà mẹ vợ ở). Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì không hợp nhau dẫn đến hay cãi nhau. Đại diện thôn đã gặp trực tiếp hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị [D](#) làm đơn ly hôn đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [Trương Văn K](#) không có mặt và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh, chị [Vũ Thị D](#) có đơn đề nghị Toà án

không tiến hành hoà giải. Nên ngày 28/4/2026 TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#) cùng đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật..

- * Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Vũ Thị D](#)
- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị D](#) được ly hôn với anh [Trương Văn K](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Trương Vũ T](#) (giới tính: nam), sinh ngày 24/11/2021 cho chị [Vũ Thị D](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [K](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị [D](#) không yêu cầu.
- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.
- * Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị [Vũ Thị D](#) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Vũ Thị D](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trương Văn K](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại [xã H, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#) đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị [D](#) và anh [K](#) theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Trương Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là UBND xã L), tỉnh Thanh Hoá, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh K đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã ly thân nhau.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh K luôn xảy ra mâu thuẫn, anh K đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị D được ly hôn với anh K là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Trương Vũ T (giới tính: nam), sinh ngày 24/11/2021. Chị D có nguyện vọng xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K cũng đồng ý giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. HĐXX thấy: Cháu T nay đang còn nhỏ nên cần có bàn tay chăm sóc của mẹ. nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1. 1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D.

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Vũ Thị D](#) được ly hôn với anh [Trương Văn K](#).
- Về con cái: Giao cháu [Trương Vũ T](#) (giới tính: nam), sinh ngày 24/11/2021 cho chị [Vũ Thị D](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc khả năng lao động. Anh [K](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [D](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Vũ Thị D](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [D](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 02/3/2026 theo biên lai thu số: 0001417. Như vậy, chị [Vũ Thị D](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#).

Chị [Vũ Thị D](#) và anh [Trương Văn K](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
 - Đương sự;
 - THADS tỉnh Thanh Hoá;
 - Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
 - UBND Lĩnh Toại
- (ĐK 17/9/2019);

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

